

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/DS-PT
Ngày 27-5-2020
V/v Tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Bà Trương Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 176/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lâm Văn H, sinh năm 1958;

Đào Thanh X, sinh năm 1962;

Người đại diện hợp pháp cho ông H: Ông Lê Phước T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: tổ 3B, ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà X: Luật sư ĐHD- Văn phòng Luật sư HĐ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 36, QL 30, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn V, sinh năm 1955;

Địa chỉ: số nhà 076, tổ 3B, ấp 4, xã BHT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q:*

1. Đào KT, sinh năm 1957;

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn V.

2. Nguyễn NT, sinh năm 1979;

3. Văn Thị L, sinh năm 1953;

4. Lê Phước T, sinh năm 1984;

5. Lê HT, sinh năm: 1976;

6. Lê Phước Q, sinh năm: 1998;

7. Lê HN, sinh năm: 2001;

8. Trần Thị MV, sinh năm: 1983;

Người đại diện hợp pháp của chị V: anh Lê Phước T.

9. Phan MV1, sinh năm: 1984.

Người đại diện hợp pháp: bà Đào Thanh X.

Cùng địa chỉ: tổ 3B, ấp 4, xã BHT, huyện CL, Đồng Tháp.

10. Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông LĐT, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 108, đường THĐ, quận HK, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: bà NTH, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 209A, đường THĐ, phường 1, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Đào Thanh X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Lâm Văn H trình bày:**

Nguồn gốc đất là của cha, mẹ vợ ông H để lại ông H đứng tên QSDĐ diện tích 500m² thuộc thửa 1104, tờ bản đồ số 3, loại đất T, tọa lạc tổ 3B, ấp 4, xã BHT.

Đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp lộ nhựa, chiều ngang là 20m (nay chỉ còn 17,4m)

Hướng Tây giáp với đất của bà X, chiều ngang là 17,19m.

Hướng Nam giáp với đất của bà X, chiều dài là 25,73m.

Hướng Bắc giáp với đất Nguyễn Văn V, chiều dài là 21,16m.

Giữa phần đất của ông H và đất của ông V có cái mương lạng, mương nằm trong phần đất của ông H. Năm 1991, ông V tự bơm cát vào mương lạng của ông H nên xảy ra tranh chấp nhưng không đưa ra xã giải quyết cũng không

khởi kiện ra tòa. Gần đây ông H tách diện tích đất ông H đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm hai: vợ chồng ông H một phần 238m² ông H đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, phần còn lại 262m² sẽ cắt chia cho bà Văn Thị L và anh Lê Phước T nhưng khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thì Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CL có ý kiến đất không đúng diện tích nên cho đến nay vẫn chưa qua tên bà L. Đất thực tế do bà L, anh T, Lê HT, Trần Thị MV, Lê Phước Q, Lê Phước V, Lê HN đang quản lý sử dụng.

Đất của bà L, anh T đang sử dụng bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: chiều ngang giáp lộ nông thôn 2,58m, còn hướng Đông giáp với đất bà X thì ông V lấn lấy cái mương chiều ngang 1,45m, chiều dài 26,36m. Ông V lấn lấy cái mương lạng diện tích khoảng 53,1m² thuộc thửa 1104, tờ bản đồ số 3. Nay ông H yêu cầu xác định ranh đất giữa ông H với hộ ông V là đường thẳng nối mốc 1, 2, 26 là ranh chung theo sơ đồ đo đạc ngày 18/7/2019. Đối với việc san lấp, xây các trụ hàng rào, lót gạch làm sân của ông V phía ông H có biết nhưng không tranh chấp. Diện tích đất 53,1m² từ trước đến nay do phía ông V sử dụng, phần mà ông V xây dựng ông H yêu cầu di dời, phần san lấp ông H đồng ý trả giá trị san lấp 5.000.000 đồng. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H đang quản lý tại nhà. Về việc cho đất giữa ông H với anh T, bà Văn Thị L thì ông H không tranh chấp yêu cầu giải quyết. Về kết quả, số liệu của định giá và thẩm định anh T thống nhất.

- Nguyên đơn bà Đào Thanh X trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp do ông bà để lại phần đất thuộc thửa 1103, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã BHT. Hiện nay, do bà đứng tên giấy chứng nhận. Ranh đất giữa đất của bà và ông V có cái mương nước. Trước đó, ông V có xin đặt nhờ đường thoát nước trên phần đất mương của bà X. Trong lúc ông V sử dụng đường thoát nước trên phần đất mương của bà có chiều ngang đoạn giáp với đất ông H là 1,45m, chiều ngang sau hậu là 0,85m, chiều dài khoảng 50,94m, diện tích lấn chiếm 58,60m², bà có trình báo địa phương nhưng hòa giải không thành. Năm 2017, ông V làm hàng rào thì phát sinh tranh chấp. Về quản lý đất sử dụng đất thửa 1103 chỉ có bà X với con là anh MV1.

Bà Đào Thanh X yêu cầu nối các mốc 26, 25, 15 chiều dài là 50,95m làm ranh chung giữa đất của bà với đất ông V theo sơ đồ ngày 18/7/2019; buộc hộ ông V di dời tất cả kiến trúc, cây cối theo ranh giới. Đối với việc xây dựng các công trình, san lấp trên đất tranh chấp như xây nhà vệ sinh, làm hàng rào bà X có ngăn cản không cho làm có yêu cầu xã lập biên bản nhưng xã không thực hiện. Về diện tích 58,60m² hộ ông V đã sử dụng rất lâu, hộ của bà không sử dụng diện tích đất này. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà X không cầm cố thế chấp cho bất kỳ hộ gia đình, tổ chức, cá nhân nào.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Năm 1986, gia đình ông có mua đất của bà Bảy N (bà N chết 2012), việc mua đất có làm giấy tay nhưng nay đã bị thất lạc, giấy tay không có nói rõ diện tích, đất có tứ cận: phía Đông giáp Bùi Văn C, phía Tây giáp sông CB, phía Nam giáp đất bà Bảy N, phía Bắc giáp đất bà Tư L (đã chết) chuyển lại cho Lâm Văn H sử dụng ngày nay, phía sau giáp ranh của Đào Thị P cùng chồng là ông Bé B và Đào Thanh P (đã chết) và nay do bà Đào Thanh X sử dụng.

Năm 1991, ông đã cất nhà ở trên đất. Năm 1992, ông có thông báo đến gia đình bà Tư L biết thống nhất mốc giáp ranh của hai bên để ông cho thợ xây dựng hàng rào. Sau đó bà Tư L giao cho con là anh Năm H đến để cùng với gia đình ông căng dây và thống nhất xác định ranh đất là lấy cây gòn làm trụ giáp ranh ngoài lộ và cây dừa lão không trái sát mé mương, phía trong làm trụ ranh phía sau, dọc theo hàng xương rồng đã trồng trước đó (hàng rào xương rồng và cây dừa lão hiện nay không còn). Trên cơ sở xác định ranh như vậy gia đình ông tiến hành xây 06 trụ gạch vuông để làm hàng rào; ông V và bà Bảy N có đến Ủy ban xã BHT để làm thủ tục tách phần đất của bà Bảy N bán cho ông trước đó; cán bộ Tư pháp xã và những người của Ủy ban xã có đến đo đất (nhưng không có lập biên bản đo đạc) làm thủ tục sang tên và ông được cấp giấy năm 1997 diện tích 952m².

Năm 2003, ông được cấp đổi quyền sử dụng đất diện tích 840m². Đến năm 2009, giữa bà X với ông H có xảy ra tranh chấp nên cán bộ địa chính và tư pháp xã có đến đo đạc và tiến hành lập biên bản ghi ý kiến thống nhất của ông H với bà X là công nhận hàng rào phía trước giáp lộ nhựa mà ông xây dựng năm 1992 là mốc ranh từ đó kéo ra tới mốc 14 là ranh chung giữa đất hộ ông với đất bên ông H, bà X. Do phía gia đình ông H vẫn đang sử dụng giấy chứng nhận QSDĐ cũ do ông H không thực hiện đổi giấy mới theo yêu cầu Nhà nước nên giữ nguyên diện tích 500m², thực tế diện tích đất sử dụng qua nhiều lần thay đổi, mở rộng đường, đất lở dưới mé sông dẫn đến thiếu đất.

Năm 2015 gia đình có xây hàng rào, nhà vệ sinh, hồ nước đoạn giáp đất bà X (từ mốc 22, 24, 14) là dựa vào trụ đá bà X đã cắm trước đó và bà X đã thống nhất ranh xây hàng rào.

Nay ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông H và bà X. Ông V khẳng định từ trước đến nay phía ông H và bà X không thừa kiện gì ra chính quyền địa phương để tranh chấp ranh với gia đình ông. Trường hợp Tòa án xác định ranh theo yêu cầu của ông H, bà X thì phần đất mà ông bỏ công ra san lấp, kiến trúc mà ông xây dựng ông sẽ tự di dời mà không yêu cầu trả giá trị, lẽ đó mà ông V không yêu cầu Tòa án định giá chi phí san lấp. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh TP SĐ để bảo lãnh vay tiền đến nay chưa lấy về. Về việc xem xét thẩm định và định giá đất tranh chấp thì ông thống nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q ông Lê Phước T trình bày:

Anh và mẹ là Văn Thị L đang sử dụng đất mà hiện ông Lâm Văn H đứng tên một phần thửa 1104 tiếp giáp với diện tích tranh chấp $53,1\text{m}^2$ ông H đã thống nhất chia lại cho mẹ anh là bà L giờ chỉ còn thửa tách thửa sang tên. Tuy nhiên, do diện tích mà ông H chia lại cho ông và bà L sử dụng không đủ 262m^2 ($500\text{m}^2 - 238\text{m}^2$) nên trong gia đình bàn bạc thống nhất để ông H đứng ra kiện tranh chấp ranh với ông V vì ông H còn đứng tên thửa 1103 nhằm mục đích lấy đủ 262m^2 . Việc chia đất giữa ông H với gia đình anh không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị L trình bày:

Thống nhất nội dung trình bày của anh T. Việc chia đất giữa bên bà với ông Lâm Văn H cũng như ranh đất với hộ ông V thì không có tranh chấp trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn NT trình bày:

Thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của ông Nguyễn Văn V. Ngoài ra, không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê HT, Lê Phước Q, Lê HN, Phan MV1, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:

Vắng mặt; không có văn bản trình bày ý kiến.

Bản án số sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CL quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ranh chung nối các mốc M1, M2, M26, M25, M15 (theo sơ đồ ngày 18/7/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường Đồng Tháp) của ông Lâm Văn H và bà Đào Thanh X.

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lâm Văn H thửa 1104 tờ bản đồ 3 (bản đồ 299) với thửa đất hộ ông Nguyễn Văn V, bà Đào KT, chị Nguyễn NT thửa 470 tờ bản đồ số 8 (thửa cũ 1105, tờ bản đồ số 3) là đường thẳng nối các mốc M3, M4, M23, M22 dài $26,18\text{m}$ ($0,93\text{m} + 25,25\text{m} + 0,18\text{m}$) là ranh chung giữa hai bên.

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà Đào Thanh X, anh Phan MV1 thửa 1103, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299) với thửa đất hộ ông Nguyễn Văn V, bà Đào KT, chị Nguyễn NT thửa 470 tờ bản đồ số 8 (thửa cũ 1105, tờ bản đồ số 3) là đường thẳng nối các mốc M22, M24, M14, dài $50,94\text{m}$ ($5,93\text{m} + 45,01\text{m}$) là ranh chung giữa hai bên.

Ranh giới quyền sử dụng đất chung giữa đất hộ ông Lâm Văn H, bà Đào Thanh X, anh Phan MV1 với hộ ông Nguyễn Văn V, bà Đào KT, chị Nguyễn NT là phương thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Các bên có nghĩa vụ di dời cây cối, vật kiến trúc có trên đất, trong lòng đất của bên này nằm qua đất bên kia và ngược lại.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 29/3/2018, 15/8/2019 sơ đồ đo đạc khu đất tranh chấp ngày 18/7/2019)

*Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ Q Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh lại diện tích đất của mình theo ranh giới quyền sử dụng đất đã tuyên.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông H và bà X mỗi người phải chịu 500.000đồng (đã nộp xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 700.000đồng theo biên lai số 0006624 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL. Sau khi khấu trừ ông Lâm Văn H được nhận lại 400.000đồng.

Bà Đào Thanh X, anh Phan MV1 phải nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 700.000đồng theo biên lai số 0006625 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL. Sau khi khấu trừ bà Đào Thanh X được nhận lại 400.000đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Đào Thanh X kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Bà X yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết là sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận khởi kiện của bà X.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông H, bà X; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn Luật sư ĐHĐ; bị đơn ông V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q chị T, anh T, bà L, ông T có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Bà X trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đất của ông V đóng thuế chỉ có diện tích 500m² với chiều ngang lộ 11m, chiều dài tổng là 70m. Chiều dài hiện nay là 77m.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà X trình bày: Việc chưa thể hiện hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông V; chưa thể hiện diện tích đất ông V mua bao nhiêu. Việc bà X tranh chấp là đã thể hiện việc ngăn cản ông V xây dựng hàng rào; việc đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V không có đo đạc, không ký giáp ranh nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X.

Anh T trình bày: đất có con mương làm ranh dù diện tích đất có thiếu thì con mương vẫn là ranh đất giữa 02 bên với ông V nên đề nghị Tòa án xem xét lại.

Ông V trình bày: Đất ông H nếu cộng diện tích thực tế đang sử dụng với đất làm lộ ra 5m thì diện tích đất ông H đã dư so với giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất được cấp (chưa kê diện tích đang tranh chấp). Đất ao của bà X do mẹ bà X đào thì ao nay vẫn còn.

Chị T trình bày: không có căn cứ nào để xác định đất ông H có chiều ngang là 20m. Bà X, ông H cũng không có căn cứ nào xác định diện tích đất đang sử dụng so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có căn cứ nào nói gia đình chị lấn ranh đất.

Bà L, ông T không có ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án quyền sử dụng đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông H, ông V, bà X (trước đây là của ông P) đều thiếu. năm 2015 mở rộng thành lộ nhựa ngang 5m, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng xác định không biết khi cấp giấy có đo đạc không; do Nhà nước mở rộng đường lộ nông thôn nên đất ông H, bà X bị thiếu diện tích, đến nay ông H, bà X chưa cấp đổi giấy chứng nhận theo bản đồ lưới tọa độ nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà X.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự không có khiếu nại yêu cầu gì về thành phần những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án theo yêu cầu tranh chấp của ông H, bà X: Tòa án cấp sơ thẩm xét yêu cầu khởi kiện ông H, bà X yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất ông H với đất ông V là từ các mốc M1, M2, M26 dài 26,36m, giữa đất bà X với đất ông V từ mốc M26, M25, M15 dài 50,95m. Theo hiện trạng sử dụng đất giữa hai bên là con mương từ năm 1992 hộ ông V sử dụng san lấp, xây dựng kiên cố phía ông H, bà X không tranh chấp. Khi ông V cuốn nền làm sân, lát gạch, xây nhà vệ sinh, hồ nước phía ông H, bà X không có văn bản tranh chấp ngăn cản yêu cầu đình chỉ xây dựng.

Hơn nửa thửa đất ông V 470 (thửa cũ 1105) có diện tích trong giấy 840m² so với diện tích thực tế 713m² nếu tính phần diện tích bà X, ông H tranh chấp 111,7m² đất hộ ông V vẫn còn thiếu. Ngoài ra, theo bản án phúc thẩm số: 95/2011/DSPT ngày 22/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông H với bà X thể hiện ranh đất

ông H với đất ông V là mí hàng rào mà mí hàng rào ngày nay ông V lấp cát, cuốn bằng đồ, lót gạch sử dụng ổn định để xác định ranh cho hai bên.

Đối với phần ranh giữa bà X tranh chấp với hộ ông V thì cũng là mương nước mà mương nước này ông V sử dụng để thoát nước trong chăn nuôi và nay ông V đã xây hàng rào tường kiên cố và khi xây dựng hàng rào tường phía bà X không tranh chấp việc xây dựng.

Do đó xét yêu cầu xác định ranh nội các mốc M1, M2, M26 dài 26,36m; nối mốc M26, M25, M15 dài 50,95m (theo sơ đồ thẩm định ngày 18/7/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp) làm ranh chung của ông Lâm Văn H và Đào Thanh X là không có căn cứ để chấp nhận. Ranh đất giữa đất ông Lâm Văn H, bà Đào Thanh X với ông Nguyễn Văn V được xác định theo hiện trạng đất hộ ông V đã sử dụng ổn định với đất ông H, bà X được xác định nối các mốc M3, M4, M23, M22, M24, M14 dài 77,21m.

Đối với việc của ông V thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để bảo đảm tiền vay, phía ngân hàng không yêu cầu giải quyết việc thế chấp này nên xem xét giải quyết.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm bà X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án thu thập, cung cấp gì thêm, không có khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[4] Về nội dung kháng cáo bà X: Xét Tòa án cấp sơ thẩm xác định, nội dung tranh chấp giải quyết đúng theo quy định pháp luật. Ngoài ra việc đăng ký quyền sử dụng đất thửa của bà X theo công văn số 19/UBND-HC ngày 07/4/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CL xác định căn cứ để cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông H là hồ sơ đăng ký kê khai lần đầu của hộ ông H, ông Phong. Việc cấp giấy cho hộ ông H, ông P sinh tranh chấp. Đất của bà X trước đây là của ông Đào Thanh P đăng ký quyền sử dụng đất năm 1992. Năm 2000 ông P chết, bà X được hưởng quyền thừa kế quyền sử dụng đất, việc đăng ký sử dụng đất ông Phong không có tranh chấp với gia đình ông V. Sau khi gia đình bà X nhận đất cũng đã có tranh chấp ranh đất với gia đình ông H và đã được xác định ranh đất. Bà X đã có xây 08 trụ đá ranh đã có thỏa thuận với ông V. Sau đó, năm 2015 ông V mới xây các trụ đá như hiện nay. Không có căn cứ xác định bà X sử dụng phần đất đang tranh chấp, ông V lấn ranh đất của bà X. Nên việc bà X yêu cầu hộ ông V trả đất là có đủ cơ sở chấp nhận nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X.

[5] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X; giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung giải quyết tranh chấp. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về chi phí, án phí dân sự: Do y bản án sơ thẩm, bà X là nên bà X phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 144, 147, 148, 157; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Điều 175, 176 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đào Thanh X.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ranh chung nối các mốc M1, M2, M26, M 25, M15 (theo sơ đồ ngày 18/7/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường Đồng Tháp) của ông Lâm Văn H và bà Đào Thanh X.

2/ Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lâm Văn H thửa 1104 tờ bản đồ 3 (bản đồ 299) với thửa đất hộ ông Nguyễn Văn V, bà Đào KT, chị Nguyễn NT thửa 470 tờ bản đồ số 8 (thửa cũ 1105, tờ bản đồ số 3) là đường thẳng nối các mốc M3, M4, M23, M22 dài 26,18m (0,93m + 25,25m + 0,18m) là ranh chung giữa hai bên.

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà Đào Thanh X, anh Phan MV1 thửa 1103, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299) với thửa đất hộ ông Nguyễn Văn V, bà Đào KT, chị Nguyễn NT thửa 470 tờ bản đồ số 8 (thửa cũ 1105, tờ bản đồ số 3) là đường thẳng nối các mốc M22, M24, M14, dài 50,94m (5,93m + 45,01m) là ranh chung giữa hai bên.

Ranh giới quyền sử dụng đất chung giữa đất hộ ông Lâm Văn H, bà Đào Thanh X, anh Phan MV1 với hộ ông Nguyễn Văn V, bà Đào KT, chị Nguyễn NT là phương thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Các bên có nghĩa vụ di dời cây cối, vật kiến trúc có trên đất, trong lòng đất của bên này nằm qua đất bên kia và ngược lại.

(Kèm theo biên bản thẩm định ngày 29/3/2018, 15/8/2019 sơ đồ đo đạc khu đất tranh chấp ngày 18/7/2019)

*Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ Q Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để điều chỉnh lại diện tích đất của mình theo ranh giới quyền sử dụng đất đã tuyên.

3/ Về án phí, chi phí tố tụng dân sự:

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông Lâm Văn H và bà Đào Thanh X mỗi người phải chịu 500.000đồng (đã nộp xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 700.000đồng theo biên lai số 0006624 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL. Sau khi khấu trừ ông Lâm Văn H được nhận lại 400.000đồng.

Bà Đào Thanh X, anh Phan MV1 phải nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 700.000đồng theo biên lai số 0006625 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL. Sau khi khấu trừ bà Đào Thanh X được nhận lại 400.000đồng.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đào Thanh X phải nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0003434 ngày 30/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL. Sau khi khấu trừ bà X không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án nd huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm